

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên và bà Đinh Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N., sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Chị Lưu Thị D., sinh năm: 1996;

HKTT: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú và làm việc: Đài Loan.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Tuyết Nh., sinh ngày 15/12/2016;

Địa chỉ HKTT: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nh.: Anh N. và chị D., là bố mẹ đẻ.

* Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Kh., sinh năm: 1960;

2. Bà Quách Thị L., sinh năm: 1963;

Đều địa chỉ: Thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Bùi Thị Nl., sinh năm: 1975;

4. Ông Lưu Văn V., sinh năm: 1971;

Đều địa chỉ: Thôn Q.X, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai các đương sự trong quá trình tố tụng cùng các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N. trình bày:

Anh Nguyễn Văn N. và chị Lưu Thị D. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.H vào ngày 20/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ

chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, không có tình cảm với nhau, năm 2018 chị D. đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, sau đó chị D. không liên lạc gì với anh, nay anh N. xác định tình cảm vợ chồng với chị D. không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D..

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết Nh., sinh ngày 15/12/2016. Hiện cháu Nh. đang ở với anh N.. Ly hôn anh N. xin được tiếp tục được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến năm cháu Nh. đủ 18 tuổi, anh N. không yêu cầu chị D. cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh N. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lưu Thị D. trình bày:

Quá trình kết hôn và chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng như anh N. đã trình bày. Nay chị D. xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh N. không còn, anh N. xin ly hôn, chị D. đồng ý.

Về con chung và tài sản chung chị D. nhất trí với quan điểm của anh N.. Quá trình Tòa án giả quyết chị D. yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên giải quyết vắng mặt.

Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Kh. và bà Quách Thị L. (bố mẹ anh N.) và ông Lưu Văn V. và bà Bùi Thị N1. (bố mẹ đẻ chị D.) trình bày: Trong quá trình chung sống, anh N. và chị D. đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh N. khởi kiện xin ly hôn chị D., ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Ông, bà đề nghị giao con chung theo nguyện vọng của anh chị. Đối với ông Kh. và bà L. xác định khi giao cháu Nh. cho anh N. nuôi ông bà sẽ tạo điều kiện cho bố con anh N. chỗ ở ổn định.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp: Trường hợp Lưu Thị D. có thông tin xuất cảnh, nhưng chưa có thông tin về nhập cảnh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đều đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn N. và chị Lưu Thị D. đều có hộ khẩu thường trú tại thôn V.Q, xã Q.H, huyện P.H, tỉnh Hưng Yên nhưng hiện nay chị D. đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và những người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa anh N. và chị D. được xác lập hợp pháp từ ngày 20/11/2015. Hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kết quả có một con chung. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cả anh N. và chị D. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh N. yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn chị, Dung đồng ý. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N. với chị D. đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho anh N. được ly hôn chị D. là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Anh N. và chị D. có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuyết Nh., sinh ngày 15/12/2016. Hiện cháu Nh. đang ở với anh N.. Anh N. và chị D. đều thống nhất, anh N. nuôi cháu Nh., chị D. không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao cho anh N. nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Tuyết Nh. cho đến khi cháu Nh. đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N. không yêu cầu chị D. cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh N. và chị D. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh N. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 73, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N. được ly hôn chị Lưu Thị D..

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N. trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Tuyết Nh., sinh ngày 15/12/2016 cho đến khi cháu Nh. đủ

18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N. không yêu cầu chị D. cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D. có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, anh N. và chị D. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Anh N. và chị D. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N. phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Đồi trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh N. đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000158, ngày 21/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh N. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; chị Lưu Thị D. được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng